

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHVN ngày tháng năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Chính sách công
 - + Tiếng Anh: Public Policy
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8340402
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ: Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh trừ 2 học phần sau: Triết học (tiếng Việt), Tiếng Nhật (tiếng Việt và tiếng Nhật). Luận văn tốt nghiệp được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh.
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Chính sách công
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Public Policy
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Khoa học Xã hội liên ngành - Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình là phát triển tư duy và kỹ năng chính sách cho người học nhằm nhận diện, đánh giá các vấn đề chính sách; tham gia, tổ chức và cải thiện quá trình chính sách vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập.

Trên quan điểm phát triển bền vững, với sự kết hợp của hai trụ cột chính là kinh tế và quản trị công, chương trình được thiết kế tính đến các đặc trưng và yêu cầu cụ thể của một nền kinh tế đang chuyển đổi song hành với liên kết và hội nhập khu vực/vùng và quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

*** Mục tiêu đào tạo**

Kiến thức: Người học có kiến thức chuyên sâu, mang tính liên ngành cả về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực chính sách công.

Kỹ năng: Người học phát triển được các kỹ năng tư vấn, quản lý điều hành, quản lý bản thân cần thiết trong lĩnh vực chính sách công.

Thái độ: Người học nhận thức được vai trò, tác động của chính sách công đối với các chủ thể của nền kinh tế - xã hội và trách nhiệm của nhà hoạch định, quản lý, chuyên gia chính sách công.

*** Các mục tiêu cụ thể khác**

- Là chương trình đào tạo thạc sỹ có uy tín, chất lượng quốc tế và thu hút được học viên quốc tế;

- Học viên tốt nghiệp chương trình đáp ứng được yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ tại nhiều trường đại học uy tín trên thế giới, trong đó trước hết là các trường đại học Nhật Bản; đáp ứng tốt yêu cầu việc làm của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước;

- Tiếp nhận chuyên gia công nghệ đào tạo từ Đại học Tsukuba; đồng thời phát triển đội ngũ giảng viên trong lĩnh vực chính sách công cho Trường Đại học Việt Nhật;

3. Thông tin tuyển sinh

Theo Quy định về công tác tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN và theo đề án tuyển sinh sau đại học của Trường được ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

a. Kiến thức chung

- Vận dụng được những kiến thức chung về nguyên lý kinh tế chính trị và triết học trong phân tích chính sách công.

- Vận dụng được các kiến thức chung và phương pháp luận để phân tích các vấn đề thực tiễn theo cách tiếp cận liên ngành, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững ở quy mô địa phương, quốc gia và toàn cầu.

b. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

Kiến thức cơ sở: Vận dụng những kiến thức cơ bản như kinh tế học, phân tích chính sách (lý thuyết và ứng dụng), và phát triển bền vững để phân tích chính sách công.

Kiến thức chuyên sâu: Phân tích và đánh giá được các chính sách công trên cơ sở vận dụng những kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực khác nhau như phát triển kinh tế, chính sách phát triển đô thị và vùng, chính sách phúc lợi xã hội.

Phương pháp luận: Sử dụng các phương pháp luận cụ thể và phù hợp như phương pháp thực nghiệm và đánh giá tác động trong đánh giá chính sách công.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

a. Kỹ năng cứng

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách công có thể:

- Có khả năng vận dụng các kỹ năng phân tích và các phương pháp phân tích để trả lời các loại câu hỏi chính sách;

- Có khả năng giải quyết các vấn đề chính sách công bằng cách sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính và tư duy phản biện, diễn giải, trình bày và truyền đạt kết quả một cách hiệu quả;

- Có khả năng làm việc nhóm trong các công việc liên quan đến chính sách công như phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, xây dựng và thực hiện chính sách công;

- Có khả năng vận dụng các kỹ năng nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu độc lập và nguyên bản trong lĩnh vực chính sách công.

b. Kỹ năng mềm

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách công có thể:

- Sử dụng thành thạo các kỹ năng mềm để tự định hướng và thích ứng với môi trường làm việc cạnh tranh như kỹ năng giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, làm việc nhóm và thuyết trình; trình độ tin học thành thạo và khả năng làm việc độc lập;

- Sử dụng thành thạo Tiếng Anh (tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);

- Vận dụng được văn hóa, phong cách kinh doanh và học thuật Nhật Bản.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức xã hội

Coi trọng tinh thần yêu nước, tự trọng, sự hướng ứng cộng đồng, tinh thần kỷ luật, các giá trị đạo đức, hiến pháp và pháp luật.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Đáp ứng các cam kết và trách nhiệm nghề nghiệp, nhiệt tình, chấp nhận rủi ro, tôn trọng sự đa dạng.

3.3. Phẩm chất đạo đức cá nhân

Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo, năng động, tự tin, linh hoạt, tự tạo động lực và tự chủ.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình có khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu về việc làm trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Một số vị trí công việc có thể đảm nhiệm như:

- Cán bộ phân tích, nghiên cứu chính sách, hoạch định chính sách trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ;

- Nhà nghiên cứu, giảng viên tại các cơ quan nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước có chuyên ngành chính sách công và phát triển..

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình:

- Có khả năng hoàn thành công việc một cách độc lập, khả năng làm việc nhóm, tầm nhìn bao quát, khả năng tổng quát, tích hợp và vận dụng các kiến thức học được trong công tác tham mưu và hoạch định chính sách;

- Có khả năng phân tích và đưa ra kiến nghị về chính sách; lập kế hoạch, đưa ra các sáng kiến và hoạt động hướng đến phát triển bền vững;

- Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy các học phần về chính sách công và phát triển.

- Đáp ứng được yêu cầu đầu vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành chính sách công, quản lý công, quản lý chính sách và các chương trình phù hợp của các đại học uy tín trên thế giới, trong đó trước hết là các đại học Nhật Bản.

6. Các chương trình, tài liệu đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo

- Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BGDĐT ngày 08 tháng 5 năm 2014 hợp nhất Thông tư về Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Công văn số 1885/ĐHQGHN-KHTC ngày 24 tháng 06 năm 2010 về việc dự thảo phương án thí điểm về kinh phí đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN;

- Quy chế Đào tạo thạc sĩ tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN, ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở ĐHQGHN;

- Quyết định số 1230/QĐ-ĐHQGHN ngày 8 tháng 4 năm 2015 của Giám đốc ĐHQGHN về việc thành lập tổ chuyên gia xây dựng các chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường ĐHVN (bao gồm Chương trình Thạc sỹ Chính sách công);

- Quyết định số 3525/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 09 năm 2015 của Giám đốc ĐHQGHN về việc thành lập Hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo thạc sỹ của Trường ĐHVN;

- Quyết định số 4297/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/10/2015 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành chương trình Thạc sĩ Chính sách công theo định hướng nghiên cứu tại Trường ĐHVN;

- Hướng dẫn số 808/HD-ĐHQGHN ban hành ngày 9 tháng 3 năm 2015 về việc điều chỉnh, cập nhật hoặc chuyển đổi, bổ sung chương trình đào tạo thạc sĩ theo Quy chế đào tạo thạc sĩ tại ĐHQGHN;

- Công văn số 852/ĐT-ĐHQGHN ngày 14 tháng 03 năm 2017 về việc điều chỉnh yêu cầu đầu vào về tiếng Anh cho các chương trình thạc sĩ của Trường ĐHVN;
- Công văn số 4551/ĐT-ĐHQGHN ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc điều chỉnh các yêu cầu tuyển sinh cho các chương trình thạc sĩ của Trường ĐHVN;
- Kết luận tại Hội thảo về Đánh giá các chương trình đào tạo thạc sĩ thí điểm của Trường ĐHVN ngày 4 tháng 12 năm 2020;
- Công văn số 333/ĐHVN-ĐT ngày 28 tháng 05 năm 2021 về kế hoạch điều chỉnh các chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường ĐHVN;
- Hướng dẫn của Trường ĐHVN số 385/HD-ĐHVN về xây dựng và điều chỉnh đề cương học phần;
- Thông báo số 489/ĐHVN-TB ngày 01 tháng 07 năm 2021 của Trường ĐHVN về việc điều chỉnh yêu cầu tuyển sinh của các chương trình đào tạo thạc sĩ;
- Chương trình Thạc sĩ Kinh tế và Chính sách công (PEPP) của trường Đại học Tsukuba, Nhật Bản¹;
- Chương trình Thạc sĩ Khoa học Chính sách và Quy hoạch, trường Đại học Tsukuba, Nhật Bản²;
- Chương trình Thạc sĩ Chính sách công (Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh với sự hợp tác của Trường Quản lý Nhà nước Harvard Kennedy Fulbright-Harvard)³;
- Chương trình Thạc sĩ Chính sách công (dành cho sinh viên quốc tế), Master of Public policy (International Program)-MPP/IP của trường Đại học Tokyo (University of Tokyo), Nhật Bản⁴;
- Chương trình Thạc sĩ Chính sách công (Master of Public policy-MPP) của trường Đại học Havard, Hoa Kỳ⁵;
- Chương trình Thạc sĩ Chính sách công (Master of Public Policy-MPP) của Trường Chính sách công Lý Quang Diệu thuộc Đại học Quốc gia Singapore⁶;
- Trang web ATLAS of public policy and management⁷.

¹ <http://pepp.hass.tsukuba.ac.jp/>

² <https://www.sk.tsukuba.ac.jp/PPS/en/pps/>

³ <http://www.fetp.edu.vn/vn/dao-tao/thac-si-chinh-sach-cong/gioi-thieu-mpp/thu-giam-doc/>

⁴ <http://www.pp.u-tokyo.ac.jp/en/mppip/>

⁵ <http://www.hks.harvard.edu/degrees/masters/mpp>

⁶ <http://lkyspp.nus.edu.sg/admissions/graduate-programmes/master-in-public-policy-mpp/>

⁷ <https://portal.publicpolicy.utoronto.ca/EN/Pages/index.aspx>

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	64 tín chỉ
- Khối kiến thức chung (bắt buộc)	08 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42 tín chỉ
+ Khối kiến thức cơ sở	08 tín chỉ
+ Khối kiến thức chuyên ngành	34 tín chỉ
* <i>Bắt buộc</i>	<i>14 tín chỉ</i>
* <i>Tự chọn</i>	<i>20/39 tín chỉ</i>
- <i>Luận văn Thạc sĩ</i>	14 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	8				
1.	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	45	10	5	
2.	ENG5001	Tiếng anh cơ bản <i>Basic English</i>	4	30	30	0	
II		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH	42				
II.1		Khối kiến thức cơ sở	8				
3.	VJU6001	Cơ sở Khoa học bền vững <i>Basic Sustainability Science</i>	3	40	5	0	
4.	VJU6002	Phương pháp luận và Hệ thống thông tin cho khoa học bền vững <i>Methodology and Informatics for Sustainable Science</i>	3	40	5	0	
5.	VJU5004	Tiếng Nhật <i>Japanese Language</i>	2	5	25	0	
II.2		Khối kiến thức chuyên ngành	34				
II.2.1		Các học phần bắt buộc	14/14				

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
6.	MPP6001	Kinh tế vi mô cho chính sách công <i>Microeconomics for Public Policy</i>	2	20	10	0	
7.	MPP6002	Kinh tế vĩ mô cho chính sách công <i>Macroeconomics for Public Policy</i>	2	20	10	0	
8.	MPP6003	Phân tích chính sách công <i>Public Policy Analysis</i>	3	30	15	0	
9.	MPP6004	Phân tích định lượng cho chính sách công <i>Quantitative Analysis for Public Policy</i>	3	30	15	0	
10.	MPP6005	Thực tập <i>Internship</i>	4	10	50	0	
II.2.2		Các học phần tự chọn	20/39				
11.	VJU5005	Tiếng Nhật <i>Japanese Language</i>	4	30	30	0	
12.	MPP6006	Quản trị và phát triển <i>Governance and Development</i>	2	20	10	0	
13.	MPP6007	Lãnh đạo <i>Leadership</i>	2	20	10	0	
14.	MPP6008	Tài chính phát triển <i>Development Finance</i>	3	30	15	0	
15.	MPP6009	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	30	15	0	
16.	MPP6010	Kinh tế học và chính sách cho phát triển đô thị và vùng <i>Economics and Policy of Urban and Regional Development</i>	3	30	15	0	
17.	MPP6011	Chính sách phúc lợi xã hội <i>Social Welfare Policy</i>	2	20	10	0	
18.	MPP6012	Ngăn ngừa thảm họa <i>Disaster Prevention</i>	2	20	10	0	
19.	MPP6013	Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn <i>Agriculture and Rural Development Policy</i>	3	30	15	0	
20.	MPP6014	Chính sách giáo dục <i>Education Policy</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
21.	MPP6015	Kinh tế chính trị quốc tế <i>International Political Economy</i>	3	30	15	0	
22.	MPP6016	Phương pháp nghiên cứu <i>Research Methodology</i>	3	30	15	0	
23.	MIE6017	Nguyên lý và phương pháp đánh giá hoạt động <i>Principle and Method of Performance Evaluation</i>	3	30	15	0	
24.	MIE6018	Quy hoạch và chính sách giao thông <i>Transportation Planning and Policy</i>	3	30	15	0	MPP6001
II.3		Luận văn thạc sĩ	14				
25.	MPP7001	Luận văn thạc sĩ <i>Master's Thesis</i>	14	210			
		Tổng cộng (Total)	64				

* Học phần Tiếng anh cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần Tiếng anh cơ bản không tính trong điểm Trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT.